

Bản án số: 116/2024/KDTM-PT
Ngày 22/5/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đức Bằng

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Tình - Kiểm sát viên

Trong các ngày 15 và 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 42/2024/TLPT-KDTM ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 33/2023/KDTM-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 107/2024/QĐ-PT ngày 05/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2024, Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 236/2024/TB-TA ngày 02/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần T

Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình

Địa chỉ liên hệ: Km14, Quốc lộ F, B, phường P, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông ĐHL – Giám đốc; Bà ĐTA – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NVK, ông NTT (Theo Văn bản ủy quyền số 153/2022/VBUQ ngày 15/03/2022); ông K có mặt

- Bị đơn: Công ty cổ phần P

Địa chỉ: Tầng B, tòa nhà T, KĐT T, E T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông NNV – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà ĐTH, bà NTM. Cùng địa chỉ: Tầng A, số G N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội (Theo Giấy ủy quyền số 06/GUQ-XP ngày 20/8/2023); bà H có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần T và Công ty cổ phần P ký kết Hợp đồng mua bán số 01/2021/HĐMB/T ngày 01/3/2021 và Hợp đồng mua bán số 0109/2021/HĐMB/T ngày 01/9/2021 về việc mua bán thép các loại. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần T đã thực hiện đúng theo thỏa thuận các bên đã cam kết trong hợp đồng, giao đầy đủ hàng hóa và xuất hóa đơn cụ thể như sau:

- Hợp đồng mua bán số 01/2021/HĐMB/T ngày 01/3/2021: Hóa đơn GTGT số 0016661 ngày 19/3/2021, số tiền thanh toán: 834.656.295 đồng; Hóa đơn GTGT số 0016662 ngày 19/3/2021, số tiền thanh toán: 663.189.450 đồng

- Hợp đồng mua bán số 0109/2021/HĐMB/T ngày 01/9/2021: Hóa đơn GTGT số 0021766 ngày 21/9/2021, số tiền thanh toán: 770.014.465 đồng

Các chuyển hàng trên đều được ký biên bản giao nhận, bảng tổng hợp giá trị khối lượng thanh toán, biên bản đối chiếu công nợ.

Tổng giá trị tiền hàng Công ty cổ phần T đã giao cho Công ty cổ phần P tính đến ngày 21/9/2021 là 2.267.860.210 đồng, Công ty cổ phần P mới chỉ thanh toán cho Công ty cổ phần T 03 lần với tổng số tiền là 1.134.656.295 đồng, số tiền còn lại Công ty cổ phần P chưa thanh toán là 1.133.203.915 đồng. Ngoài ra, tại Điều 4 của hợp đồng quy định về phương thức và thời hạn thanh toán “Thanh toán trước hoặc ngay khi giao nhận hàng có biên bản hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản khác được hai bên xác nhận. Quá hạn thanh toán bên phải chịu lãi theo lãi suất 0,05%/ ngày trên tổng số tiền quá hạn trong suốt thời gian quá hạn, đồng thời bên bán có quyền đơn phương ngừng cấp hàng và thực hiện các biện pháp bảo vệ lợi ích của mình do bị vi phạm hợp đồng”, như vậy số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán tính đến ngày 15/3/2022 là 250.247.499 đồng.

Vì các lý do trên, Công ty cổ phần T đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu

Giấy buộc Công ty cổ phần P phải thanh toán ngay cho Công ty cổ phần T toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 15/3/2022 là 1.383.451.414 đồng (trong đó: nợ gốc chưa thanh toán là 1.133.203.915 đồng; nợ lãi là 250.247.499 đồng) và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ngoài các yêu cầu trên, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Công ty cổ phần P xác nhận có ký với Công ty cổ phần T Hợp đồng mua bán số 01/2021/HĐMB/HN ngày 01/03/2021 và Hợp đồng mua bán số 0109/2021/HĐMB/HN ngày 01/09/2021.

Đối với Hợp đồng số 01/2021/HĐMB/HN ngày 01/03/2021: Công ty cổ phần P xác nhận giá trị hợp đồng số 01 theo hoá đơn GTGT số 0016661 ngày 19/03/2021 và hoá đơn GTGT số 0016662 ngày 19/03/2021, tổng số tiền là 1.497.845.745 đồng. Công ty cổ phần P đã thanh toán cho Công ty cổ phần T là 1.134.656.295 đồng. Số tiền còn lại chưa thanh toán là 363.189.450 đồng.

Đối với Hợp đồng số 0109/2021/HĐMB/HN ngày 01/09/2021: Do Công ty cổ phần P chưa nhận được hàng của Công ty cổ phần T giao. Công ty cổ phần P không chấp nhận biên bản giao nhận ngày 21/09/2021 do Công ty cổ phần T xuất trình vì chữ ký “NVN” tại phần “Đại diện bên A” được thể hiện trong biên bản giao nhận hàng hóa không phải chữ ký của anh NVN - nhân sự của Công ty cổ phần P. Do vậy, Công ty cổ phần P không chấp nhận thanh toán cho Công ty cổ phần T giá trị Hợp đồng số 0109/2021/HĐMB/HN là 770.014.465 đồng theo yêu cầu của Công ty cổ phần T.

Ngoài các ý kiến trên, bị đơn không còn ý kiến nào khác.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn: Xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 60.000.000 đồng nợ gốc, do sau khi nộp đơn khởi kiện bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn vào ngày 18/8/2022.

Buộc Công ty cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty cổ phần T số tiền còn nợ chưa thanh toán là 1.602.335.013 đồng; trong đó nợ gốc là 1.073.203.915 đồng; nợ lãi tính đến ngày 08/8/2023 là 529.131.098 đồng và phải chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 09/8/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Cụ thể: Đối với Hợp đồng số 01/2021/HĐMB/T ngày 01/3/2021.

Hóa đơn GTGT số 0016661 ngày 19 tháng 3 năm 2021. Giá trị hàng hóa là: 834.656.295 đồng. Ngày thanh toán theo thỏa thuận tại Báo giá kiêm xác nhận

đơn hàng ngày 18/3/2021 “Thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày giao nhận hàng hóa có biên bản. Quá hạn thanh toán bên mua phải chịu lãi với lãi suất 0,05%/ngày trên tổng số tiền quá hạn trong suốt thời gian quá hạn”. Từ ngày giao hàng là 19/3/2021 đến hết ngày 03/04/2021 bị đơn phải thanh toán. Tuy nhiên ngày bị đơn thanh toán là: Ngày 22/7/2021 thanh toán 75.000.000 đồng; Ngày 04/10/2021 thanh toán 759.656.295 đồng; Như vậy số tiền lãi phát sinh được tính như sau: Từ ngày 04/4/2021 đến ngày 22/7/2021 (ngày bị đơn trả số tiền 75.000.000 đồng) số ngày nợ quá hạn là 110 ngày, tiền nợ gốc là 834.656.295 đồng. Số tiền lãi quá hạn = $110 \times 834.656.295 \text{ đồng} \times 0,05\% = 45.906.096 \text{ đồng}$. Từ ngày 22/7/2021 đến ngày 04/10/2021 (ngày bị đơn trả nốt số tiền còn lại 759.656.295 đồng) số ngày nợ quá hạn là 74 ngày; tiền nợ gốc là $834.656.295 \text{ đồng} - 75.000.000 \text{ đồng} = 759.656.295 \text{ đồng}$. Số tiền lãi quá hạn = $74 \times 759.656.295 \text{ đồng} \times 0,05\% = 28.107.283 \text{ đồng}$

Hóa đơn GTGT số 0016662 ngày 19 tháng 3 năm 2021. Giá trị hàng hóa là: 663.189.450 đồng. Ngày thanh toán theo thỏa thuận tại báo giá kiêm xác nhận đơn hàng ngày 18/3/2021 “Thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao nhận hàng hóa có biên bản. Quá hạn thanh toán bên mua phải chịu lãi với lãi suất 0,05%/ngày trên tổng số tiền quá hạn trong suốt thời gian quá hạn”. Từ ngày giao hàng là 19/3/2021 đến hết ngày 18/4/2021 bị đơn phải thanh toán. Tuy nhiên ngày bị đơn thanh toán là: Ngày 09/3/2022 trả 300.000.000 đồng. Ngày 18/8/2022 trả 60.000.000 đồng. Như vậy số tiền lãi phát sinh được tính như sau: Từ ngày 18/4/2021 đến ngày 09/3/2022 (ngày bị đơn trả số tiền 300.000.000 đồng) số ngày nợ quá hạn là 325 ngày, tiền nợ gốc là 663.189.450 đồng. Số tiền lãi quá hạn = $325 \times 663.189.450 \text{ đồng} \times 0,05\% = 107.768.286 \text{ đồng}$. Từ ngày 09/3/2022 đến ngày 18/8/2022 (ngày bị đơn trả tiếp số tiền 60.000.000 đồng) số ngày nợ quá hạn là 162 ngày; tiền nợ gốc còn lại là $663.189.450 \text{ đồng} - 300.000.000 \text{ đồng} = 363.189.450 \text{ đồng}$. Số tiền lãi quá hạn = $162 \times 363.189.450 \text{ đồng} \times 0,05\% = 29.418.345 \text{ đồng}$. Từ ngày 18/8/2022 đến ngày 08/8/2023 số ngày nợ quá hạn là 355 ngày; tiền nợ gốc còn lại là $363.189.450 \text{ đồng} - 60.000.000 \text{ đồng} = 303.189.450 \text{ đồng}$. Số tiền lãi quá hạn = $355 \times 303.189.450 \text{ đồng} \times 0,05\% = 53.816.127 \text{ đồng}$

Như vậy tổng số tiền lãi quá hạn theo hợp đồng số 01/2021/HĐMB/T ngày 01/3/2021 là: $45.906.096 \text{ đồng} + 28.107.283 \text{ đồng} + 107.768.286 \text{ đồng} + 29.418.345 \text{ đồng} + 53.816.127 \text{ đồng} = 265.016.137 \text{ đồng}$

Đối với Hợp đồng số 0109/2021/HĐMB/T ngày 01/9/2021. Hóa đơn GTGT số 0021766 ngày 21 tháng 9 năm 2021. Giá trị hàng hóa là: 770.014.465 đồng. Ngày thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng “Thanh toán trước hoặc ngay khi giao nhận hàng có biên bản hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản khác được hai bên xác nhận. Quá hạn thanh toán Công ty cổ phần P phải chịu lãi theo

lãi suất 0.05%/ngày trên tổng số tiền quá hạn trong suốt thời gian quá hạn”. Từ ngày 21/9/2021 đến ngày 08/8/2023, số ngày nợ quá hạn là 686 ngày; tiền nợ gốc còn lại là 770.014.465 đồng. Số tiền lãi quá hạn = $686 \times 770.014.465 \text{ đồng} \times 0,05\% = 264.114.962 \text{ đồng}$. Tổng hợp số tiền lãi quá hạn từ hai hợp đồng là: $265.016.137 \text{ đồng} + 264.114.962 \text{ đồng} = 529.131.098 \text{ đồng}$

Bị đơn: Công ty cổ phần P xác nhận có ký với Công ty cổ phần T Hợp đồng mua bán số 01/2021/HĐMB/HN ngày 01/03/2021 và Hợp đồng mua bán số 0109/2021/HĐMB/HN ngày 01/09/2021.

Công ty cổ phần P xác nhận còn nợ Công ty cổ phần T số tiền 303.189.450 đồng theo Hợp đồng số 01/2021/HĐMB/HN ngày 01/03/2021.

Đề nghị bác yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 770.014.465 đồng theo Hợp đồng số 0109/2021/HĐMB/HN ngày 01/09/2021. Không chấp nhận biên bản giao nhận ngày 21/09/2021 do Công ty cổ phần T xuất trình do chữ ký “NVN” tại phần “Đại diện bên A” được thể hiện trong biên bản giao nhận hàng hóa không phải chữ ký của anh NVN - nhân sự của Công ty cổ phần P.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 33/2023/KDTM-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ:

- Điều 117, Điều 119, khoản 1 Điều 351, khoản 1 Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 24 Luật thương mại 2005;

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, 264, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

- Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1]. Đình chỉ xét xử yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 60.000.000 đồng nợ gốc (do sau khi nộp đơn khởi kiện Công ty Cổ phần P đã thanh toán cho Công ty Cổ phần T vào ngày 18/8/2022) của Công ty Cổ phần T.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T đối với Công ty Cổ phần P.

Buộc Công ty Cổ phần P phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T số tiền 1.602.335.013 đồng (Một tỉ, sáu trăm linh hai triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm mười ba đồng); Trong đó nợ gốc là 1.073.203.915 đồng; Nợ lãi là 529.131.098 đồng.

Kể từ ngày 09/8/2023, Công ty Cổ phần P còn phải chịu số tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất theo thoả thuận cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Công ty Cổ phần P phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 60.070.050 đồng (Sáu mươi triệu, không trăm bảy mươi nghìn, không trăm năm mươi đồng).

Công ty Cổ phần T được hoàn trả số tiền 26.700.000 (Hai mươi sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018817 ngày 19/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty cổ phần P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty cổ phần P có nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng mua bán số 0109/2021/HĐMB/HN ngày 01/9/2021.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần P được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty cổ phần T với Công ty cổ phần P phát sinh từ hợp đồng mua bán, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn là Công ty cổ phần P có địa chỉ tại tầng B, tòa nhà T, KĐT T, E T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Công ty cổ phần T đã ký kết với Công ty cổ phần P hợp đồng mua bán số 01/2021/HĐMB/HN ngày 01/3/2021 và hợp đồng mua bán số 0109/2021/HĐMB/HN ngày 01/09/2021 trên cơ sở tự do, tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không trái quy định của pháp luật, nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và các bên có nghĩa vụ thi hành.

Thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần T đã thực hiện đúng nội dung của hợp đồng, đã bàn giao hàng đầy đủ về số lượng, chất lượng, đúng tiến độ. Các bên đã ký Bảng tổng hợp giá trị thanh toán, Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ, Biên bản thỏa thuận.

Tại phiên tòa, bị đơn có ý kiến cho rằng Biên bản giao nhận ngày 21/09/2021 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa có chữ ký nhận NVN tại phần đại diện cho bị đơn. Đây không phải là chữ ký của anh NVN - nhân sự của bị đơn. Thực tế, bị đơn không nhận được hàng của nguyên đơn, nên bị đơn không chấp nhận thanh toán cho nguyên đơn giá trị của hợp đồng số 0109/2021/HĐMB/T là 770.014.465 đồng.

Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng số 0109/2021/HĐMB/HN đã được nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng ngày 21/9/2021, người đại diện hợp pháp của hai công ty đã ký Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ và Bảng tổng hợp giá trị

thanh toán xác nhận số nợ 770.014.465 đồng. Nên đủ cơ sở khẳng định đối với hợp đồng 0109/2021/HĐMB/T ngày 01/09/2021 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 770.014.465 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tiền hàng nguyên đơn đã giao cho bị đơn tính đến ngày 21/9/2021 đối với cả hai hợp đồng số 01/2021/HĐMB/T ngày 01/3/2021 và hợp đồng số 0109/2021/HĐMB/T ngày 01/09/2021 là 2.267.860.210 đồng. Bị đơn đã thanh toán tổng số tiền 1.194.656.295 đồng, còn nợ lại 1.073.203.915 đồng số tiền gốc. Án sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc 1.073.203.915 đồng là có căn cứ, nên giữ nguyên.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên phải chịu nợ lãi chậm thanh toán theo quy định. Trong hợp đồng, các bên thỏa thuận áp dụng mức lãi suất 0,05%/ngày đối với số nợ gốc chưa thanh toán. Thời gian tính lãi từ ngày vi phạm thanh toán đến ngày 08/8/2023. Án sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ lãi 529.131.098 đồng là phù hợp.

Từ những phân tích trên và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 117; Điều 119; Điều 351; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Áp dụng Điều 24 của Luật Thương mại

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần P
- Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 33/2023/KDTM-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T đối với số tiền 60.000.000 đồng nợ gốc (do sau khi nộp đơn khởi kiện Công ty cổ phần P đã thanh toán cho Công ty cổ phần T vào ngày 18/8/2022).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T đối với Công ty cổ phần P.

Buộc Công ty cổ phần P phải thanh toán cho Công ty cổ phần T số tiền 1.602.335.013 đồng

Trong đó: nợ gốc là 1.073.203.915 đồng; nợ lãi là 529.131.098 đồng.

Kể từ ngày 09/8/2023, Công ty cổ phần P còn phải chịu số tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất theo thoả thuận cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty cổ phần P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 60.070.050 đồng.

- Công ty cổ phần T được hoàn trả số tiền 26.700.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018817 ngày 19/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

4. Về án phí phúc thẩm:

Công ty cổ phần P phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000132 ngày 06/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận C, tp Hà Nội;
- TAND quận C, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn

